

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST
Ngày 23-4-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Ông Từ Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I; trụ sở: Số I N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc T, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023), vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn S; trụ sở: Số B khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1986; thường trú: Số F, Ngõ G, ấp T, xã G, huyện P, thành phố C, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023; lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I do bà Mai Thị Ngọc T là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty S) có ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261/0918/CLd/5051717 ngày 21/09/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS2/0520/CLd/5051717 ngày 12/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS3/1120/CLd/5051717 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS5/0321/CLd/5051717 ngày 05/03/2021 với nội dung: Indovina cấp hạn mức tín dụng 2.000.000.000 đồng cho Công ty S; mục đích tài trợ vốn lưu động và nhập khẩu nguyên vật liệu cho công ty S được thanh toán qua ngân hàng dưới hình thức L, D, D, T1; thời hạn đối với các khoản vay thông thường và đối với khoản vay VUSD thời hạn không được quá 06 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày ngân hàng giải ngân vốn cho vay; về lãi suất được tính trên cơ sở 365 ngày một năm, được tính từ ngày giải ngân, bao gồm ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán. Lãi được tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó, còn lãi suất cụ thể đối với từng khoản vay được thể hiện tại các giấy cam kết trả nợ.

Thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty S số tiền vay 1.240.115.586 đồng được thể hiện tại các giấy cam kết trả nợ sau:

- Giấy cam kết trả nợ (11) ngày 21/09/2020 giải ngân số tiền 113.427.086 đồng; thời hạn vay là từ ngày 21/09/2020 đến ngày 22/03/2021; lãi suất là 9%/năm;

- Giấy cam kết trả nợ (12) ngày 24/09/2020 giải ngân số tiền 15.417.600 đồng; thời hạn vay là từ ngày 24/09/2020 đến ngày 24/03/2021; lãi suất là 9%/năm;

- Giấy cam kết trả nợ (13) ngày 01/10/2020 giải ngân số tiền 141.986.800 đồng; thời hạn vay là từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/04/2021; lãi suất là 9%/năm;

- Giấy cam kết trả nợ (14) ngày 12/10/2020 giải ngân số tiền 80.000.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 12/10/2020 đến ngày 12/04/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (15) ngày 04/11/2020 giải ngân số tiền 89.785.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 26/10/2020 đến ngày 26/04/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (1) ngày 04/11/2020 giải ngân số tiền 103.945.400 đồng; thời hạn vay là từ ngày 04/11/2020 đến ngày 04/05/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (2) ngày 19/11/2020 giải ngân số tiền 121.101.600 đồng; thời hạn vay là từ ngày 19/11/2020 đến ngày 19/05/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (3) ngày 23/11/2020 giải ngân số tiền 150.000.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 23/11/2020 đến ngày 24/05/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (4) ngày 25/11/2020 giải ngân số tiền 147.000.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/05/2021; lãi suất là 8,5%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (5) ngày 10/12/2020 giải ngân số tiền 116.075.400 đồng; thời hạn vay là từ ngày 10/12/2020 đến ngày 10/06/2021; lãi suất là 8%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (6) ngày 16/12/2020 giải ngân số tiền 34.980.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 21/12/2020 đến ngày 16/12/2020; lãi suất là 8%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (7) ngày 21/12/2020 giải ngân số tiền 16.110.600 đồng; thời hạn vay là từ ngày 21/12/2020 đến ngày 21/06/2021; lãi suất là 8%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (8) ngày 23/12/2020 giải ngân số tiền 20.394.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/06/2021; lãi suất là 8%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (9) ngày 31/12/2020 giải ngân số tiền 53.591.000 đồng; thời hạn vay là từ ngày 31/12/2020 đến ngày 30/06/2021; lãi suất là 8%/năm;
- Giấy cam kết trả nợ (10) ngày 11/10/2021 giải ngân số tiền 36.301.100 đồng; thời hạn vay là từ ngày 11/01/2021 đến ngày 12/7/2021; lãi suất là 8%/năm.

Tất cả các Giấy cam kết trả nợ đều thể hiện lãi suất được điều chỉnh lại theo thỏa thuận trong các văn kiện tín dụng, lãi tiền vay được trả hàng tháng vào ngày cuối của mỗi tháng và vào lúc trả nợ gốc. Trường hợp chậm thanh toán lãi vay, Công ty S còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất tối đa 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trong trường hợp không thanh toán giấy cam kết trả nợ này hay một phần giấy cam kết trả nợ này, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường sẽ được tính trên nợ gốc. Công ty S cam kết sẽ trả tiền vay thể hiện tại các giấy cam kết trả nợ bằng tiền mặt hoặc trích từ tài khoản của Công ty S số 5051717-0001 mở tại Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm để bảo đảm cho các khoản tín dụng và tất cả các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến các khoản tín dụng nói trên tại ngân hàng là: Tiền gửi có kỳ

hạn tại ngân hàng với giá trị không thấp hơn 40% số dư của khoản vay mà bên vay sử dụng tại mọi thời điểm và một phần khoản vay dựa trên cơ sở tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng đã thông báo bằng văn bản nhắc nhở Công ty S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty S vẫn không thực hiện. Thực tế, hạn mức tín dụng này được đảm bảo bằng các thỏa thuận tiền gửi với giá trị gốc là 1.200.000.000 đồng. Ngày 08/02/2021 và ngày 05/03/2021, Ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm của khoản vay là thỏa thuận tiền gửi để trả một phần cho dư nợ vay tại ngân hàng. Từ ngày 05/03/2021, phần dư nợ vay còn lại không có tài sản bảo đảm.

Tạm tính đến ngày 23/4/2024 Công ty S chỉ mới thanh toán được số tiền 100.288.450 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc 51.164.143 đồng và nợ lãi 49.124.307 đồng; còn nợ 1.621.363.487 đồng, trong đó nợ gốc 1.188.951.443 đồng, nợ lãi quá hạn 432.412.044 đồng. Vì vậy, ngân hàng yêu cầu Công ty S trả số nợ này và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ.

- *Đối với bị đơn Công ty S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập hồ sơ đăng ký kinh doanh và tình trạng pháp lý của Công ty S và được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cung cấp thông tin: Công ty TNHH S, có địa chỉ trụ sở chính: 295/9B khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hiện nay, không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký. Hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, hồ sơ tạm ngừng hay giải thể của doanh nghiệp này. Vì vậy, Tòa án đã thông báo cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng tại Đ tiếng nói Việt Nam, B và Ban biên tập cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/3/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 16/4/2024 và 23/4/2024 nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty S vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là hợp lệ.

Về nội dung vụ án, xét thấy nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng tín dụng và nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 1.240.115.586 đồng được thể hiện qua

các giấy cam kết trả nợ của bị đơn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn Công ty S đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giữa Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I và Công ty trách nhiệm hữu hạn S có ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261/0918/CLd/5051717 ngày 21/09/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS2/0520/CLd/5051717 ngày 12/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS3/1120/CLd/5051717 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS5/0321/CLd/5051717 ngày 05/03/2021. Thực hiện theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty S số tiền vay 1.240.115.586 đồng được thể hiện qua các giấy cam kết trả nợ của bị đơn. Xét Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty S là đúng quy định nên phát sinh hiệu lực. Công ty S đã nhận được số tiền vay thể hiện tại các giấy cam kết trả nợ nên có trách nhiệm trả tiền vay theo thoả thuận tại mục 2.02 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261/0918/CLd/5051717 ngày 21/09/2018 được sửa đổi bởi Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS2/0520/CLd/5051717 ngày 12/05/2020 và các giấy cam kết trả nợ.

[3] Theo trình bày của Ngân hàng trong quá trình tố tụng thì Công ty S chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 100.288.450 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc 51.164.143 đồng và nợ lãi 49.124.307 đồng. Còn nợ 1.621.363.487 đồng, trong đó nợ gốc 1.188.951.443 đồng và nợ lãi quá hạn 432.412.044 đồng. Bị đơn Công ty S vắng mặt tại phiên toà, không có ý kiến và chứng cứ phản bác đối với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S phải trả số tiền nợ còn nợ tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 1.621.363.487 đồng, trong đó nợ gốc 1.188.951.443 đồng và nợ lãi quá hạn 432.412.044 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa chữa, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 180, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261/0918/CLd/5051717 ngày 21/09/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS2/0520/CLd/5051717 ngày 12/05/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS3/1120/CLd/5051717 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS5/0321/CLd/5051717 ngày 05/03/2021 tạm tính đến ngày 23/4/2023 là 1.621.363.487 (một tỷ sáu trăm hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 1.188.951.443 (một tỷ một trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi ba) đồng và nợ lãi quá hạn 432.412.044 (bốn trăm ba mươi hai triệu bốn trăm mười hai nghìn không trăm bốn mươi bốn) đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 24/4/2024 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn S trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 261/0918/CLd/5051717 ngày 21/09/2018, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS2/0520/CLd/5051717 ngày 12/05/2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS3/1120/CLd/5051717 ngày 03/11/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng hạn mức tín dụng số 261BS5/0321/CLd/5051717 ngày 05/03/2021 và các giấy cam kết trả nợ đã ký: (11) ngày 21/09/2020; (12) ngày 24/09/2020; (13) ngày 01/10/2020; (14) ngày

12/10/2020; (15) ngày 04/11/2020; (1) ngày 04/11/2020; (2) ngày 19/11/2020; (3) ngày 23/11/2020; (4) ngày 25/11/2020; (5) ngày 10/12/2020; (6) ngày 16/12/2020; (7) ngày 21/12/2020; (8) ngày 23/12/2020; (9) ngày 31/12/2020 và (10) ngày 11/10/2021.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải nộp 60.640.905 đồng (sáu mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn chín trăm lẻ năm) đồng. Trả lại cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I 29.629.674 (hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001592 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. **Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:** Nguyên đơn Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn I chịu 3.341.563 (ba triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ hết vào số tiền nguyên đơn đã thanh toán.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND TP. Dĩ An (01);
- CC THADS TP. Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Mai